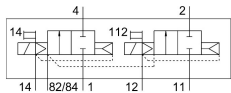
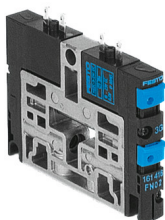


# **Van điện từ** **CPV10-M1H-2X2-GLS-K-M7** Số bộ phận: 559645

**FESTO**



## **Bảng dữ liệu**

| Đặc tính                                                   | Giá trị                                |
|------------------------------------------------------------|----------------------------------------|
| Chức năng van                                              | 2x2/2 đồng đơn ổn định                 |
| Kiểu vận hành                                              | điện                                   |
| Kích thước van                                             | 10 mm                                  |
| Lưu lượng danh nghĩa bình thường (chuẩn hóa theo DIN 1343) | 400 l/ph                               |
| Cổng nối làm việc bằng khí nén                             | M7                                     |
| Điện áp vận hành                                           | 24V DC                                 |
| Áp suất vận hành                                           | -0.09 MPA...1 MPA<br>-0.9 bar...10 bar |
| Cấu trúc xây dựng                                          | thanh trượt pít tông                   |
| Kiểu cài đặt lại                                           | lò xo khí nén                          |
| Mức độ bảo vệ                                              | IP65                                   |
| Chiều rộng định mức                                        | 4 mm                                   |
| Chức năng khí xả                                           | không thể điều tiết                    |
| Nguyên lý bít                                              | mềm                                    |
| Vị trí lắp đặt                                             | bất kỳ                                 |
| Nút ghi đè                                                 | khớp quét                              |
| Kiểu điều khiển                                            | điều khiển trước                       |
| kiểm soát cung cấp không khí                               | bên ngoài<br>trong                     |
| Hướng dòng chảy                                            | không thể đảo ngược                    |
| Xếp chồng                                                  | gối chống dương                        |
| Áp suất điều khiển                                         | 0.3 MPA...0.8 MPA<br>3 bar...8 bar     |
| giá trị b                                                  | 0.35                                   |
| Giá trị C                                                  | 1.6 l/s*bar                            |
| Thời gian chuyển mạch tắt                                  | 17 ms                                  |
| Thời gian chuyển mạch bật                                  | 15 ms                                  |
| Thời gian bật                                              | 100% liên quan đến giảm dòng điện hãm  |
| Mức tiêu thụ điện năng                                     | 0.46 W                                 |
| Xung thử nghiệm dương tính tối đa với tín hiệu 0           | 1400 µs                                |
| Xung thử nghiệm âm tối đa với 1 tín hiệu                   | 700 µs                                 |

| Đặc tính                              | Giá trị                                                       |
|---------------------------------------|---------------------------------------------------------------|
| Môi chất vận hành                     | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]                          |
| Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển | Có thể hoạt động bằng dầu (cần thiết cho hoạt động tiếp theo) |
| Lớp chống ăn mòn KBK                  | 2 - bị ăn mòn vừa phải                                        |
| Tuân thủ LABS                         | VDMA24364-B1/B2-L                                             |
| Nhiệt độ bảo quản                     | -20 °C...40 °C                                                |
| Nhiệt độ trung bình                   | -5 °C...50 °C                                                 |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh        | -5 °C...50 °C                                                 |
| trọng lượng sản phẩm                  | 70 g                                                          |
| Kiểu gắn                              | với lỗ xuyên                                                  |
| Cổng nối khí điều khiển 12/14         | Đa kết nối                                                    |
| Cổng nối kiểm soát khí thải 82/84     | Đa kết nối                                                    |
| Cổng nối khí nén 1                    | Đa kết nối với tách áp suất                                   |
| Cổng nối khí nén 11                   | Đa kết nối với tách áp suất                                   |
| Cổng nối khí nén 2                    | M7                                                            |
| Cổng nối khí nén 3/5 kết hợp          | Đa kết nối                                                    |
| Cổng nối khí nén 4                    | M7                                                            |
| Ghi chú vật liệu                      | Tuân thủ RoHS                                                 |
| Vật liệu của phốt                     | HNBR<br>NBR                                                   |
| Vật liệu vỏ                           | Nhôm đúc áp lực<br>Đồng thau<br>POM<br>PPS<br>Thép            |